

**Phụ lục**  
**BẢNG TỔNG HỢP HỖ TRỢ CHO HỌC SINH CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK THEO NGHỊ ĐỊNH**  
**SỐ 116/2016/NĐ-CP NGÀY 18/7/2016 CỦA CHÍNH PHỦ TRONG NĂM HỌC 2024-2025**  
*(Kèm theo Quyết định số \_\_\_\_\_ /QĐ-UBND ngày \_\_\_\_\_ tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh)*

| Tổng số nhu cầu học sinh thuộc đối tượng hỗ trợ |                             |                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Hỗ trợ gạo                        |                         |                         | Hỗ trợ tiền ăn, ở 50% mức lương cơ sở cấp THPT (ĐVT: 1.000đ) |                         |                        |                                         | GHI CHÚ |
|-------------------------------------------------|-----------------------------|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------|-------------------------|--------------------------------------------------------------|-------------------------|------------------------|-----------------------------------------|---------|
| STT                                             | ĐƠN VỊ                      | Tổng số học sinh | Học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh, phải là nhân khẩu trong gia đình thuộc hộ nghèo có hộ khẩu thường trú tại xã khu vực III, thôn ĐBKk vùng dân tộc và miền núi; có nhà ở xa trường 10 km trở lên hoặc địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn, không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày (có nhà ở xa trường 3 km trở lên) | Học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số, có hộ khẩu thường trú tại xã khu vực III, thôn ĐBKk vùng dân tộc và miền núi có nhà ở xa trường 10 km trở lên hoặc địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn, không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày (có nhà ở xa trường 3 km trở lên) | Định mức hỗ trợ/học sinh (kg gạo) | Số tháng đề nghị hỗ trợ | Tổng số gạo được hỗ trợ | Số học sinh được hỗ trợ tiền ăn, ở                           | Hỗ trợ 40% MLCS tiền ăn | Hỗ trợ 10% MLCS tiền ở | Tổng nhu cầu kinh phí hỗ trợ tiền ăn, ở |         |
| 1                                               | 2                           | 3=4+5            | 4                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 6                                 | 7                       | 8=3*6*7                 | 9                                                            | 10=9*40%*2.340*9        | 11=9*10%*2.340*9       | 12=10+11                                |         |
|                                                 | <b>TỔNG CỘNG</b>            | <b>4.966</b>     | <b>726</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | <b>4.240</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | <b>15</b>                         | <b>9</b>                | <b>670.410</b>          | <b>4.955</b>                                                 | <b>41.740.920</b>       | <b>10.435.230</b>      | <b>52.176.150</b>                       |         |
| <b>I</b>                                        | <b>Huyện Krông Ana</b>      | <b>72</b>        | <b>0</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <b>72</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <b>15</b>                         | <b>9</b>                | <b>9.720</b>            | <b>72</b>                                                    | <b>606.528</b>          | <b>151.632</b>         | <b>758.160</b>                          |         |
| 1                                               | Trường THPT Krông Ana       | 13               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 13                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 15                                | 9                       | 1.755                   | 13                                                           | 109.512                 | 27.378                 | 136.890                                 |         |
| 2                                               | Trường THPT Phạm Văn Đồng   | 0                | 0                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 0                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 15                                | 9                       | 0                       | 0                                                            | 0                       | 0                      | 0                                       |         |
| 3                                               | Trường THPT Hùng Vương      | 59               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 59                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 15                                | 9                       | 7.965                   | 59                                                           | 497.016                 | 124.254                | 621.270                                 |         |
| <b>II</b>                                       | <b>Huyện Cư Kuin</b>        | <b>44</b>        | <b>0</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <b>44</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <b>15</b>                         | <b>9</b>                | <b>5.940</b>            | <b>44</b>                                                    | <b>370.656</b>          | <b>92.664</b>          | <b>463.320</b>                          |         |
| 1                                               | Trường THPT Y Jút           | 6                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 6                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 15                                | 9                       | 810                     | 6                                                            | 50.544                  | 12.636                 | 63.180                                  |         |
| 2                                               | Trường THPT Việt Đức        | 38               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 38                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 15                                | 9                       | 5.130                   | 38                                                           | 320.112                 | 80.028                 | 400.140                                 |         |
| <b>III</b>                                      | <b>Huyện Cư M'gar</b>       | <b>8</b>         | <b>1</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <b>7</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | <b>15</b>                         | <b>9</b>                | <b>1.080</b>            | <b>8</b>                                                     | <b>67.392</b>           | <b>16.848</b>          | <b>84.240</b>                           |         |
| 1                                               | Trường THPT Cư M'gar        | 4                | 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 15                                | 9                       | 540                     | 4                                                            | 33.696                  | 8.424                  | 42.120                                  |         |
| 2                                               | Trường THPT Trần Quang Khải | 3                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 15                                | 9                       | 405                     | 3                                                            | 25.272                  | 6.318                  | 31.590                                  |         |

| STT         | ĐƠN VỊ                       | Tổng số học sinh | Học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh, phải là nhân khẩu trong gia đình thuộc hộ nghèo có hộ khẩu thường trú tại xã khu vực III, thôn ĐBKK vùng dân tộc và miền núi; có nhà ở xa trường 10 km trở lên hoặc địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn, không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày (có nhà ở xa trường 3 km trở lên) | Học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số, có hộ khẩu thường trú tại xã khu vực III, thôn ĐBKK vùng dân tộc và miền núi có nhà ở xa trường 10 km trở lên hoặc địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn, không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày (có nhà ở xa trường 3 km trở lên) | Định mức hỗ trợ/học sinh (kg gạo) | Số tháng đề nghị hỗ trợ | Tổng số gạo được hỗ trợ | Số học sinh được hỗ trợ tiền ăn, ở | Hỗ trợ 40% MLCS tiền ăn | Hỗ trợ 10% MLCS tiền ở | Tổng nhu cầu kinh phí hỗ trợ tiền ăn, ở | GHI CHÚ |
|-------------|------------------------------|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------|-------------------------|------------------------------------|-------------------------|------------------------|-----------------------------------------|---------|
| 3           | Trường THPT Lê Hữu Trác      | 1                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 15                                | 9                       | 135                     | 1                                  | 8.424                   | 2.106                  | 10.530                                  |         |
| <b>IV</b>   | <b>Huyện M'Drắk</b>          | <b>522</b>       | <b>126</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | <b>396</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <b>15</b>                         | <b>9</b>                | <b>70.470</b>           | <b>522</b>                         | <b>4.397.328</b>        | <b>1.099.332</b>       | <b>5.496.660</b>                        |         |
| 1           | Trường THPT Nguyễn Trường Tộ | 162              | 63                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 99                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 15                                | 9                       | 21.870                  | 162                                | 1.364.688               | 341.172                | 1.705.860                               |         |
| 2           | Trường THPT Nguyễn Tất Thành | 360              | 63                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 297                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 15                                | 9                       | 48.600                  | 360                                | 3.032.640               | 758.160                | 3.790.800                               |         |
| <b>V</b>    | <b>Huyện Krông Bông</b>      | <b>375</b>       | <b>57</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | <b>318</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <b>15</b>                         | <b>9</b>                | <b>50.625</b>           | <b>375</b>                         | <b>3.159.000</b>        | <b>789.750</b>         | <b>3.948.750</b>                        |         |
| 1           | Trường THPT Krông Bông       | 105              | 32                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 73                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 15                                | 9                       | 14.175                  | 105                                | 884.520                 | 221.130                | 1.105.650                               |         |
| 2           | Trường THPT Trần Hưng Đạo    | 270              | 25                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 245                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 15                                | 9                       | 36.450                  | 270                                | 2.274.480               | 568.620                | 2.843.100                               |         |
| <b>VI</b>   | <b>Huyện Krông Búk</b>       | <b>49</b>        | <b>6</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <b>43</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <b>15</b>                         | <b>9</b>                | <b>6.615</b>            | <b>49</b>                          | <b>412.776</b>          | <b>103.194</b>         | <b>515.970</b>                          |         |
| 1           | Trường THPT Phan Đăng Lưu    | 2                | 0                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 15                                | 9                       | 270                     | 2                                  | 16.848                  | 4.212                  | 21.060                                  |         |
| 2           | Trường THPT Nguyễn Văn Cừ    | 47               | 6                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 41                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 15                                | 9                       | 6.345                   | 47                                 | 395.928                 | 98.982                 | 494.910                                 |         |
| <b>VII</b>  | <b>Huyện Lắk</b>             | <b>676</b>       | <b>17</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | <b>659</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <b>15</b>                         | <b>9</b>                | <b>91.260</b>           | <b>676</b>                         | <b>5.694.624</b>        | <b>1.423.656</b>       | <b>7.118.280</b>                        |         |
| 1           | Trường THPT Lắk              | 293              | 16                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 277                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 15                                | 9                       | 39.555                  | 293                                | 2.468.232               | 617.058                | 3.085.290                               |         |
| 2           | Trường THPT Nguyễn Chí Thanh | 383              | 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 382                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 15                                | 9                       | 51.705                  | 383                                | 3.226.392               | 806.598                | 4.032.990                               |         |
| <b>VIII</b> | <b>Huyện Ea Kar</b>          | <b>804</b>       | <b>72</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | <b>732</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <b>15</b>                         | <b>9</b>                | <b>108.540</b>          | <b>804</b>                         | <b>6.772.896</b>        | <b>1.693.224</b>       | <b>8.466.120</b>                        |         |
| 1           | Trường THPT Nguyễn Thái Bình | 235              | 26                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 209                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 15                                | 9                       | 31.725                  | 235                                | 1.979.640               | 494.910                | 2.474.550                               |         |
| 2           | Trường THPT Trần Nhân Tông   | 217              | 21                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 196                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 15                                | 9                       | 29.295                  | 217                                | 1.828.008               | 457.002                | 2.285.010                               |         |
| 3           | Trường Võ Nguyên Giáp        | 224              | 9                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 215                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 15                                | 9                       | 30.240                  | 224                                | 1.886.976               | 471.744                | 2.358.720                               |         |

| STT       | ĐƠN VỊ                           | Tổng số học sinh | Học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh, phải là nhân khẩu trong gia đình thuộc hộ nghèo có hộ khẩu thường trú tại xã khu vực III, thôn ĐBKK vùng dân tộc và miền núi; có nhà ở xa trường 10 km trở lên hoặc địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn, không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày (có nhà ở xa trường 3 km trở lên) | Học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số, có hộ khẩu thường trú tại xã khu vực III, thôn ĐBKK vùng dân tộc và miền núi có nhà ở xa trường 10 km trở lên hoặc địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn, không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày (có nhà ở xa trường 3 km trở lên) | Định mức hỗ trợ/học sinh (kg gạo) | Số tháng đề nghị hỗ trợ | Tổng số gạo được hỗ trợ | Số học sinh được hỗ trợ tiền ăn, ở | Hỗ trợ 40% MLCS tiền ăn | Hỗ trợ 10% MLCS tiền ở | Tổng nhu cầu kinh phí hỗ trợ tiền ăn, ở | GHI CHÚ |
|-----------|----------------------------------|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------|-------------------------|------------------------------------|-------------------------|------------------------|-----------------------------------------|---------|
| 4         | Trường THPT Ngô Gia Tự           | 6                | 3                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 15                                | 9                       | 810                     | 6                                  | 50.544                  | 12.636                 | 63.180                                  |         |
| 5         | Trường THPT Trần Quốc Toản       | 122              | 13                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 109                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 15                                | 9                       | 16.470                  | 122                                | 1.027.728               | 256.932                | 1.284.660                               |         |
| <b>IX</b> | <b>Huyện Krông Pắc</b>           | <b>520</b>       | <b>9</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <b>511</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <b>15</b>                         | <b>9</b>                | <b>70.200</b>           | <b>520</b>                         | <b>4.380.480</b>        | <b>1.095.120</b>       | <b>5.475.600</b>                        |         |
| 1         | Trường THPT Quang Trung          | 0                | 0                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 0                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 15                                | 9                       | 0                       | 0                                  | 0                       | 0                      | 0                                       |         |
| 2         | Trường THPT Lê Hồng Phong        | 14               | 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 13                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 15                                | 9                       | 1.890                   | 14                                 | 117.936                 | 29.484                 | 147.420                                 |         |
| 3         | Trường THPT Nguyễn Công Trứ      | 110              | 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 109                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 15                                | 9                       | 14.850                  | 110                                | 926.640                 | 231.660                | 1.158.300                               |         |
| 4         | Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai | 210              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 210                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 15                                | 9                       | 28.350                  | 210                                | 1.769.040               | 442.260                | 2.211.300                               |         |
| 5         | Trường THPT Phan Đình Phùng      | 186              | 7                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 179                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 15                                | 9                       | 25.110                  | 186                                | 1.566.864               | 391.716                | 1.958.580                               |         |
| <b>X</b>  | <b>Huyện Krông Năng</b>          | <b>352</b>       | <b>91</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | <b>261</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <b>15</b>                         | <b>9</b>                | <b>47.520</b>           | <b>352</b>                         | <b>2.965.248</b>        | <b>741.312</b>         | <b>3.706.560</b>                        |         |
| 1         | Trường THPT Lý Tự Trọng          | 60               | 15                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 45                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 15                                | 9                       | 8.100                   | 60                                 | 505.440                 | 126.360                | 631.800                                 |         |
| 2         | Trường THPT Nguyễn Huệ           | 80               | 42                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 38                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 15                                | 9                       | 10.800                  | 80                                 | 673.920                 | 168.480                | 842.400                                 |         |
| 3         | Trường THPT Phan Bội Châu        | 90               | 10                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 80                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 15                                | 9                       | 12.150                  | 90                                 | 758.160                 | 189.540                | 947.700                                 |         |
| 4         | Trường THPT Tôn Đức Thắng        | 122              | 24                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 98                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 15                                | 9                       | 16.470                  | 122                                | 1.027.728               | 256.932                | 1.284.660                               |         |
| <b>XI</b> | <b>TP. Buôn Ma Thuột</b>         | <b>13</b>        | <b>2</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <b>11</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <b>15</b>                         | <b>9</b>                | <b>1.755</b>            | <b>2</b>                           | <b>16.848</b>           | <b>4.212</b>           | <b>21.060</b>                           |         |
| 1         | Trường THPT Lê Duẩn              | 2                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 15                                | 9                       | 270                     | 2                                  | 16.848                  | 4.212                  | 21.060                                  |         |
| 2         | Trường THPT Trần Phú             | 0                | 0                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 0                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 15                                | 9                       |                         |                                    | 0                       | 0                      |                                         |         |
| 3         | Trường THPT TH Cao Nguyên        | 1                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 15                                | 9                       | 135                     |                                    |                         |                        |                                         |         |

| STT         | ĐƠN VỊ                       | Tổng số học sinh | Học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh, phải là nhân khẩu trong gia đình thuộc hộ nghèo có hộ khẩu thường trú tại xã khu vực III, thôn ĐBKK vùng dân tộc và miền núi; có nhà ở xa trường 10 km trở lên hoặc địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn, không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày (có nhà ở xa trường 3 km trở lên) | Học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số, có hộ khẩu thường trú tại xã khu vực III, thôn ĐBKK vùng dân tộc và miền núi có nhà ở xa trường 10 km trở lên hoặc địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn, không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày (có nhà ở xa trường 3 km trở lên) | Định mức hỗ trợ/học sinh (kg gạo) | Số tháng đề nghị hỗ trợ | Tổng số gạo được hỗ trợ | Số học sinh được hỗ trợ tiền ăn, ở | Hỗ trợ 40% MLCS tiền ăn | Hỗ trợ 10% MLCS tiền ở | Tổng nhu cầu kinh phí hỗ trợ tiền ăn, ở | GHI CHÚ |
|-------------|------------------------------|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------|-------------------------|------------------------------------|-------------------------|------------------------|-----------------------------------------|---------|
| 4           | Trường PTDTNT Tây Nguyên     | 10               | 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 15                                | 9                       | 1.350                   |                                    |                         |                        |                                         |         |
| <b>XII</b>  | <b>Huyện Buôn Đôn</b>        | <b>462</b>       | <b>111</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | <b>351</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <b>15</b>                         | <b>9</b>                | <b>62.370</b>           | <b>462</b>                         | <b>3.891.888</b>        | <b>972.972</b>         | <b>4.864.860</b>                        |         |
| 1           | Trường THPT Buôn Đôn         | 429              | 90                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 339                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 15                                | 9                       | 57.915                  | 429                                | 3.613.896               | 903.474                | 4.517.370                               |         |
| 2           | Trường THPT Trần Đại Nghĩa   | 33               | 21                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 12                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 15                                | 9                       | 4.455                   | 33                                 | 277.992                 | 69.498                 | 347.490                                 |         |
| <b>XIII</b> | <b>Huyện Ea Súp</b>          | <b>713</b>       | <b>192</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | <b>521</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <b>15</b>                         | <b>9</b>                | <b>96.255</b>           | <b>713</b>                         | <b>6.006.312</b>        | <b>1.501.578</b>       | <b>7.507.890</b>                        |         |
| 1           | Trường THPT Ea Rók           | 479              | 117                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 362                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 15                                | 9                       | 64.665                  | 479                                | 4.035.096               | 1.008.774              | 5.043.870                               |         |
| 2           | Trường THPT Ea Súp           | 234              | 75                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 159                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 15                                | 9                       | 31.590                  | 234                                | 1.971.216               | 492.804                | 2.464.020                               |         |
| <b>XIV</b>  | <b>Huyện Ea H'leo</b>        | <b>303</b>       | <b>41</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | <b>262</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <b>15</b>                         | <b>9</b>                | <b>40.905</b>           | <b>303</b>                         | <b>2.552.472</b>        | <b>638.118</b>         | <b>3.190.590</b>                        |         |
| 1           | Trường THPT Ea H'leo         | 2                | 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 15                                | 9                       | 270                     | 2                                  | 16.848                  | 4.212                  | 21.060                                  |         |
| 2           | Trường THPT Võ Văn Kiệt      | 171              | 35                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 136                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 15                                | 9                       | 23.085                  | 171                                | 1.440.504               | 360.126                | 1.800.630                               |         |
| 3           | Trường THPT Trường Chinh     | 60               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 60                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 15                                | 9                       | 8.100                   | 60                                 | 505.440                 | 126.360                | 631.800                                 |         |
| 4           | Trường THPT Phan Chu Trinh   | 70               | 5                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 65                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 15                                | 9                       | 9.450                   | 70                                 | 589.680                 | 147.420                | 737.100                                 |         |
| <b>XV</b>   | <b>Thị xã Buôn Hồ</b>        | <b>53</b>        | <b>1</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <b>52</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <b>15</b>                         | <b>9</b>                | <b>7.155</b>            | <b>53</b>                          | <b>446.472</b>          | <b>111.618</b>         | <b>558.090</b>                          |         |
| 1           | Trường THPT Buôn Hồ          | 1                | 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 15                                | 9                       | 135                     | 1                                  | 8.424                   | 2.106                  | 10.530                                  |         |
| 2           | Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng | 35               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 35                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 15                                | 9                       | 4.725                   | 35                                 | 294.840                 | 73.710                 | 368.550                                 |         |
| 3           | Trường THPT Hai Bà Trưng     | 17               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 17                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 15                                | 9                       | 2.295                   | 17                                 | 143.208                 | 35.802                 | 179.010                                 |         |

\*Ghi chú: Trường Phổ thông dân tộc nội trú Tây Nguyên; Trường Thực hành Cao Nguyên không hỗ trợ tiền ăn và tiền nhà ở.